MA TRẬN ĐỀ THI LẠI MÔN NGỮ VĂN 11
Năm học: 2020 - 2021

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- **Cụ thể:** Nhận biết, thông hiểu và vận dụng các đơn vị kiến thức:
  + Tìm hiểu một đoạn văn bản ngoài sách giáo khoa.
  + Vận dụng kiến thức và kĩ năng nghị luận để viết bài văn NLVH.
    - *Tràng giang – Huy Cận*
    - *Vội vàng* - Xuân Diệu
    - *Chiều tối – Hồ Chí Minh*

- Hình thức kiểm tra: Tự luận.

- Cách tổ chức kiểm tra: Viết tự luận trong 90 phút.

II. XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ

MỨC ĐỘ / **CHỦ ĐỀ**	**NHẬN BIẾT**	**THÔNG HIỂU**	**VẬN DỤNG**		**TỔNG SỐ**
			THẤP	**CAO**	
I. ĐỌC HIỂU Ngữ liệu ngoài SGK.	- Phương thức biểu đạt. - Phép liên kết - Các biện pháp tu từ - Xác định câu chủ đề.	- Nội dung - Hiểu ý nghĩa của từ ngữ được sử dụng trong văn bản. - Dựa vào văn bản chỉ ra …	- Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật. - Hiểu tâm tư tình cảm, thông điệp mà tác giả gửi trong văn bản. - Trả lời câu hỏi tại saa? Đồng tình hay không đồng tình? Lý giải	- Viết đoạn văn từ 5 – 7 câu bày tỏ quan điểm về một vấn đề đặt ra trong văn bản. - Rút ra bài học , thông điệp tác giả gửi gắm, ý nghĩa…	
Số câu **Số điểm** **Tỷ lệ**	1 1 điểm 10%	1 0.75 điểm 7.5%	1 0.75 điểm 7.5%	1 0.5điểm 5%	**4** **3,0 điểm** **30%**
II. NLVH Phân tích bài: 1. *Tràng giang – Huy Cận* 2. *Vội vàng - Xuân Diệu (bỏ đoạn 2)* 3. *Chiều tối – Hồ Chí Minh*	- Đảm bảo bố cục 3 phần. - Nắm được kiểu bài phân tích tác phẩm văn học. - Xác định được yêu cầu của đề bài - Khái quát tác giả, tác phẩm - Trình bày, diễn đạt. - Hình thành hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng.	Đảm bảo đúng, đầy đủ nội dung, nghệ thuật của văn bản	Biết vận dụng các thao tác lập luận: phân tích, so sánh, chứng minh, ...biết cách trích dẫn dẫn chứng. - Biết vận dụng kĩ năng làm văn, năng lực đọc hiểu để làm bài	- Sáng tạo. - Thấy được giá trị giá trị tư tưởng mà văn bản thể hiện - Chuyển ý, chuyển đoạn - Rút ra bài học cho bản thân.	
Số câu **Số điểm** **Tỷ lệ**	1 3 điểm 30%	1 2 điểm 20%	1 1.5 điểm 15%	1 0.5 điểm 0.5%	**1** **7.0** **70%**
Tổng số câu **Tổng số điểm** **Tỷ lệ**	**2** **4 điểm** **40%**	**2** **2.75điểm** **27.5%**	**2** **2.25 điểm** **22.5%**	**2** **1điểm** **10%**	**2** **10.0** **100%**

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI LẠI NGỮ VĂN NĂM HỌC 2020-2021

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Đề số 1:

"Cái cò... sung chát đào chua
Câu ca mẹ hát gió đưa về trời
Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru

Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trải chiếu ta nằm đếm sao

Ngân hà chảy ngược lên cao
Quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thằng Bờm
Bờ ao đom đóm chập chờn
Trong leo lẻo những vui buồn xa xôi

Mẹ ru cái lẽ ở đời
Sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn
Bà ru mẹ... mẹ ru con
Liệu mai sau các con còn nhớ chăng."

*(*Trích *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa - Theo Thơ Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên.
Câu 2. Những từ ngữ, hình ảnh nào trong đoạn trích được lấy từ chất liệu văn học dân gian?
Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai.
Câu 4. Anh/chị suy nghĩ như thế nào về thông điệp được tác giả gửi gắm trong hai dòng thơ: *Mẹ ru cái lẽ ở đời/ sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn. (viết đoạn văn 5-7 câu để trả lời)*

Đề số 2:

"... Đã đến lúc chúng ta cần phải đối diện với sự thật rằng, im lặng trước cái sai này chính là mầm mống nuôi dưỡng cho sự xuất hiện của những cái sai khác. Đã đến lúc chúng ta không thể trốn tránh được thực tế nghiệt ngã rằng im lặng có thể cho ta sự yên ổn tạm thời, nhưng dần dần nó sẽ xói mòn lương tâm, làm thui chột ý chí phản biện, tinh thần hướng thiện, sức mạnh đấu tranh cho cái đúng của không chỉ bản thân ta mà cả của những người quanh ta. Sự yên ổn ấy, đáng tiếc thay chắc chắn sẽ không kéo dài lâu. Nó sẽ mau chóng qua đi và trả lại cho ta những mất mát, tổn thương với cấp số nhân so với chút yên bình giả tạo.

Phá vỡ thói quen im lặng là một quá trình đấu tranh dai dẳng và khắc nghiệt trong bản thân mỗi chúng ta. Hãy bắt đầu bằng việc lục vấn bản thân mỗi khi dằn lòng im lặng trước cái sai. Hãy kiên trì tìm đáp án cho câu hỏi "cái sai ấy, nếu mãi tồn tại, sẽ dẫn chúng ta về đâu?". Hãy thử đặt câu hỏi liệu có một ngày nào đó, sự im lặng khiến chúng ta hay những người thân của chúng ta trở thành nạn nhân của một quyết định sai lầm nào đó được nuôi dưỡng bởi chính sự im lặng của chúng ta? Hãy thử mường tượng đáng nhẽ viễn cảnh đó sẽ không xảy ra nếu sự im lặng của chúng ta được thay thế bằng những góp ý, việc làm cụ thể.

Hãy bắt đầu phá vỡ thói quen im lặng bằng những lời nói, việc làm cụ thể để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những sự thật mà trái tim bạn luôn gọi tên. Hãy bắt đầu từ việc ca ngợi những giá trị tốt đẹp, cốt lõi, hướng thiện được hun đúc bởi cả cộng đồng, được rèn trải qua nhiều thế hệ. Hãy bắt đầu bằng việc lên tiếng bảo vệ, đứng về phía những người/nhóm người thiệt thòi, yếu thế.Hãy đấu tranh, phản biện lại mọi hình thức kì thị, phân biệt đối xử, góp phần đem lại sự công bằng, sự thừa nhận của cộng đồng."

(*Sự tàn nhẫn của im lặng*, Nguyễn Công Thảo)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra tác hại của sự im lặng trước cái sai được nêu trong văn bản trên.

Câu 3: Anh/ chị có đồng tình với ý kiến "*im lặng trước cái sai này chính là mầm mống nuôi dưỡng cho sự xuất hiện của những cái sai khác*" hay không? Lý giải.

Câu 4. Từ văn bản trên, anh/ chị rút ra cho mình bài học gì? (viết thành đoạn văn khoảng 5-7 câu)

Đề số 3:

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữa lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy. Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ". Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lửa để lăn vào đó. Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đấy nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới…

*(*Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, 2004*)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: "*Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*"

Câu 3.Hình ảnh hai hạt lúa có ý nghĩa tượng trưng cho kiểu người nào trong xã hội?

Câu 4. Viết đoạn văn (5-7 dòng) trình bày bài học anh/ chị rút ra từ văn bản trên.

Đề số 4:

"Đừng nói cuộc đời tẻ nhạt nhé em
Hạnh phúc ở trong những điều giản dị
Trong ngày, trong đêm
Đừng than phiền cuộc sống tẻ nhạt nhé em
Hạnh phúc ngay cả khi em khóc
Bởi trái tim buồn là trái tim vui
Hạnh phúc bình thường và giản dị lắm
Là tiếng xe về mỗi chiều của bố
Cả nhà quay quần trong căn phòng nhỏ
Chị xới cơm đầy bắt phải ăn no
Hạnh phúc là khi đêm về không có tiếng mẹ ho
Là ngọn đèn soi tương lai em sáng
Là điểm mười mỗi khi lên bảng
Là ánh mắt một người lạ như quen
Hạnh phúc là khi mình có 1 cái tên
Vậy đừng nói cuộc đời tẻ nhạt nhé em
Tuổi 18 còn khờ khạo lắm
Đừng tô vẽ một chân trời xa toàn màu hồng thắm
Hạnh phúc vẹn nguyên giữa cuộc đời thường"

*(*Thanh Huyền, *Hạnh Phúc)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 3.Tác giả quan niệm về hạnh phúc như thế nào trong bài thơ trên? Quan niệm ấy được thể hiện cụ thể qua những hình ảnh, từ ngữ nào?

Câu 4. "*Đừng tô vẽ một chân trời xa toàn màu hồng thắm*
hạnh phúc vẹn nguyên giữa cuộc đời thường".

Từ nội dung của hai câu thơ trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về quan niệm hạnh phúc được đề cập.

……

Đáp án:

Đề 1.

Câu 1: Biểu cảm
Câu 2: Cái cò, thằng Bờm, quạt mo, sung chát đào chua, lời mẹ ru
Câu 3 - Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai là:
Lặp cấu trúc/điệp ngữ: *Bao giờ cho tới…;* Nhân hóa: *trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm*
T/d: nhấn mạnh, khơi gợi khao khát về kỉ niệm thời thơ ấu với những hình ảnh gần gũi, thân quen.
Câu 4. HS nêu quan điểm cá nhân và có những lí giải thuyết phục.

Đề 2.
Câu 1. Nghị luận
Câu 2. Tác hại: Xói mòn lương tâm, làm thui chột ý chí phản biện, tinh thần hướng thiện, sức mạnh đấu tranh cho cái đúng của không chỉ bản thân ta mà cả của những người quanh ta.
Câu 3.HS lý giải theo ý kiến của bản thân nhưng cần hợp lý. Dưới đây là gợi ý: Đồng ý, vì:
- Cái sai sẽ không mất đi khi ta im lặng. Nhưng im lặng trước cái sai, cái xấu chính là sự tàn nhẫn với sự thật, khiến cho những giá trị đúng đắn, tốt đẹp bị thui chột, chôn vùi.
- Im lặng trước cái sai, cái xấu, vô tình ta đã tiếp tay, nuôi dưỡng cho chúng phát triển, nhân rộng.
- Một xã hội nhún nhường trước cái xấu, cái ác; không biết đấu tranh cho lẽ phải sẽ là "mảnh đất lý tưởng" để chúng sinh sôi. Điều này gây ảnh hưởng không chỉ đến cá nhân mà còn cả đời sống cộng đồng.
Câu 4.HS nêu quan điểm cá nhân và có những lí giải thuyết phục

Đề 3.
Câu 1. Tự sự
Câu 2. Nhân hóa (hạt lúa... thì ngày đêm mong... thật sự sung sướng) sướng)
- Tác dụng: khiến cho câu chuyện trở nên sinh động, gần gũi, dễ đi vào lòng người.
Câu 3. - Hạt giống thứ nhất: kiểu người sống trong mức an toàn, không dám làm gì mạo hiểm; Hạt giống thứ hai: kiểu người dám sống khác, dám đương đầu với thử thách.
Câu 4. Học sinh trình bày quan điểm cá nhân và đưa ra cách lý giải nhưng cần hợp lý.

Đề 4.
Câu 1. Biểu cảm
Câu 2.
Câu 3. Liệt kê: *tiếng xe về mỗi chiều của bố, cả nhà quay quần trong căn phòng nhỏ - Chị xới cơm đầy bắt phải ăn no, khi đêm về không có tiếng mẹ ho; điểm mười mỗi khi lên bảng; khi mình có 1 cái tên…;* điệp cấu trúc câu (*Hạnh phúc là khi…*)
Tác dụng: Làm cho bài thơ thêm hấp dẫn, sinh động; thể hiện quan niệm về hạnh phúc chính là những gì gần gũi, thân thương nhất trong đời sống của mỗi người.
Câu 4.Học sinh trình bày quan điểm cá nhân và đưa ra cách lý giải nhưng cần hợp lý.

PHẦN II. LÀM VĂN

VỘI VÀNG - XUÂN DIỆU (ĐOẠN 1+3)

I. <u>TÌM HIỂU CHUNG</u>:

1. <u>Tác giả:</u>

- Xuân Diệu (1916-1985) bút danh là Trảo Nha, tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu,có đóng góp lớn đối với nền văn học Việt Nam hiện đại. Là nhà thơ của tình yêu, mùa xuân và tuổi trẻ.

<u>2. Tác phẩm "Vội vàng"</u>:

a.<u>Xuất xứ</u>: In trong tập *"Thơ thơ"*, là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám.

b.<u>Bố cục</u>: 3 phần

-<u>Phần 1</u>: *Từ đầu → mới hoài xuân:* Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

- <u>Phần 2</u>: *Xuân đương tới →bao giờ nữa:* Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người, trước sự trôi qua nhanh chóng của thời gian.

- <u>Phần 3</u>: *Còn lại*: Lời giục giã cuống quýt, vội vàng

II. <u>NỘI DUNG TRỌNG TÂM</u>

1.<u>Tình yêu cuộc sống tha thiết</u>(câu 1→13)

a) Ước muốn táo bạo của nhà thơ (4 câu đầu)

- Điệp từ: *"Tôi muốn"*, giọng thơ dứt khoát→ thể hiện khao khát mãnh liệt của tác giả.

- Cái tôi ấy tha thiết "*tắt nắng*", "*buộc gió*". *"Tắt", "buộc"*vốn là động từ mạnh, còn "*nắng, gió" lại là* hiện tượng bất biến, vĩnh hằng của thiên nhiên.

→ **Ước muốn của nhà thơ**: **đoạt quyền tạo hóa để ngăn chặn bước đi của thời gian,** từ đó lưu giữ

mãi vẻ đẹp của cuộc sống. Điều này quả thật **phi lí, táo bạo**. Tuy vậy, cái ước muốn không thể ấy là biểu hiện một **tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đời tha thiết.**

b) Bức tranh cuộc sống trần gian hữu tình, đầy hương sắc(câu 5→11)

- Điệp ngữ *này đây* kết hợp *nhịp thơ nhanh, gấp* khiến cho lời thơ như một tiếng reo vui đầy kinh ngạc. Kinh ngạc vì thi sĩ phát hiện ra vẻ đẹp diệu kì của cuộc sống, giản dị mà nao lòng.

- Với phépliệt kêhình ảnh đẹp miêu tả mùa xuân: *yến anh, ong bướm, hoa lá* → phơi bày sự giàu có, phong phú đến mức thừa thãi, tuyệt vời của khu vườn xuân.

***** Đó là một **Bức tranh thiên nhiên tràn ngập xuân sắc**

Xuân Diệu mô tả rất cụ thể, sinh động bức tranhxuântươi đẹp, lôi cuốn, đầy đủ hương vị và thanh sắc của cuộc đời. Ở đó có:

+ **màu sắc rực rỡ**, **hương thơm** ngào ngạt của của hoa

+ **dáng hình uyển chuyển** của lá

+ **âm thanh** rộn rã của yến anh

+ **ánh sáng** chan chứa khắp thế gian trong "ánh sáng chớp hàng mi"

→Đặc biệt, **thiên nhiên**luôn ở trạng thái **non tơ, mơn mởn, tràn đầy nhựa sống.**

→**Nhà thơ rạo rực, ngây ngất đắm say** giữa thiên đường ngay trên mặt đất này.

***** Như ta đã biết, Xuân Diệu là ông hoàng thơ tình. Ông luôn nhìn sự vật qua lăng kính của tình yêu.

Vì vậy, dưới cặp mắt thi nhân, **bức tranh thiên nhiên** không chỉ tràn ngập xuân sắc mà còn **chan chứa xuân tình:**

+ Các hình ảnh không rời rạc mà sóng đôi với nhau:

_*Ong bướm* đương *tuần tháng mật* - những ngày tháng hạnh phúc nhất.

_*Hoa của đồng nội xanh rì - Lá của cành tơ phơ phất:* đang độ tươi xanh, căng tràn sức sống.

_ *Yến anh* hát *khúc tình si*: biểu tượng cho hạnh phúc lứa đôi đang ca khúc tình si mê đắm.

+ "***Ánh sáng chớp hàng mi*":** Ánh sáng của buổi sớm không phải tỏa ra từ mặt trời mà tỏa ra sau cái chớp mắt của hàng mi thiếu nữ đầy tình tứ và duyên dáng.

+ NT ẩn dụ chuyển đổi cảm giác "*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*": vẻ đẹp tuyệt vời của mùa xuân được cảm nhận thông qua nụ hôn mê đắm, ngọt ngào, hạnh phúc của lứa đôi→ Quan điểm thẩm mỹ mới mẻ: con người là chuẩn mực của cái đẹp.

c) <u>Câu 12 - 13: Suy tư của nhà thơ</u>

"Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân."

- Dấu chấm giữa dòng tách câu thơ làmhai, diễn tả niềm vui không trọn vẹn. Hai câu thơ như bản lề khép lại tâm trạng sung sướng và mở ra sự suy tư và tâm thế sống vội vàng ngay đoạn thơ sau đó.

Tóm lại:

- Đoạn thơ cho thấy được **bức tranh thiên nhiên đầy xuân sắc và rạo rực xuân tình**. Qua đó, thi nhân bày tỏ **cái tôi tha thiết gắn bó với trần thế, khao khát hưởng thụ những hương sắc của trần gian. Đồng thời, tác giả cũng thể hiện quan niệm sống, quan niệm thẩm mỹ mới mẻ.**

2.**<u>Lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng những giây phút tuổi xuân của mình giữa mùa xuân của cuộc đời, của vũ trụ</u>**(câu 30→39)

- "*Mau đi thôi, mùa chưa ngả chiều hôm*": tác giả đề ra giải pháp: cuống quýt, vội vã, gấp gáp tận hưởng cuộc đời khi màu chưa kịp tắt, hương chưa kịp phai.

- Điệp ngữ "*ta muốn*" kết hợp động từ mạnh, tăng tiến:
  + "*Ôm*" - chỉ sự thân thiết,
  + "*riết*" - sự ghì chặt mạnh,
  + "*say*" - trạng thái ngây ngất, đê mê,
  + "*thâu*" - thu tất cả mùa xuân, tuổi trẻ, tình yêu vào trong tâm hồn,
  + "*cắn*" - niềm khao khát chiếm lĩnh đã lên đến tận cùng

} Nhấn mạnhniềm khát khao sống sôi nổi, mãnh liệt của tuổi trẻ.

- Đối tượng nhà thơ khao khát chiếm lĩnh: cả sự sống - gồm:

+ mọi thứ cụ thể, hữu hình (mây) – vô hình (gió),
+ xinh xắn, nhỏ bé (cánh bướm), mênh mang (non nước),
+ có cái bình dị (cỏ cây), có cái xa xôi, trừu tượng, lớn lao (non nước),
+ có cái trong tầm tay (cây cỏ) – có cái ngoài tầm tay (mây gió)…

và tất thảy vạn vật sống đó phải đương độ mơn mởn non tơ, phải rạo rực, tình tứ, phải tươi tắn.

- Các liên từ: *"và", "cho"* →thể hiện cảm xúc ào ạt dâng trào, lấn át khung cấu tứ thông thường.

- "*Chếnh choáng", "no nê", "đã đầy*": diễn tả sự thõa mãn đến tận cùng.

- *"Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi*!" → Đỉnh điểm của một cái tôi cuồng nhiệt, vồ vập, khát khao giao cảm với đời.

=>**Quan niệm sống mới mẻ:**Đối với XD, thế giới này đẹp nhất vì có con người giữa tuổi trẻ và tình yêu. Thời gian quý giá nhất của mỗi đời người là *tuổi trẻ*, mà hạnh phúc nhất của tuổi trẻ chính là *tình yêu*→**Hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, nhất là những năm tháng tuổi trẻ**.**Đó là cách sống tích cực để mỗi giây phút đến có thể đi nhưng con người đã được sống một cách tận độ trong từng giây phút ấy.**

→ Quan niệm mới, tích cực, thấm đượm tinh thần nhân văn.

<u>III. TỔNG KẾT</u>:

SGK

TRÀNG GIANG *(Huy Cận)*

I. TÌM HIỂU CHUNG

Huy Cận (1919 - 2005) quê ở Hà Tĩnh, là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới (1930-1945) với những tác phẩm có sự kết hợp giữ yếu tố hiện đại và cổ điển. Bài thơ "Tràng giang" được ông viết vào mùa thu 1939, in trong tập Lửa thiêng là một trong những tác phẩm hay nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông. Bài thơ đã thể hiện được cái tôi cô đơn, lạc lõng với nỗi sầu vạn kỉ trước cảnh sông dài trời rộng. Qua việc miêu tả bức tranh thiên nhiên đẹp nhưng buồn, nhà thơ bộc lộ tình yêu quê hương và khát khao giao cảm hoà hợp giữa người với người.

II. <u>ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</u>:

1. <u>Khổ thứ nhất</u>:Cảnh sông nước mênh mang

- **"***Sóng gợn tràng gian buồn điệp điệp"*

+ "*Sóng gợn - điệp điệp*: chuyển động nhỏ, chậm nhưng miên man, nối tiếp của con sóng. Những dư ba của dòng sông cũng chính là cơn sóng lòng nhẹ nhàng mà triền miên không dứt của thi nhân.

- "*Con thuyền xuôi mái nước song song*"

+ Gợi hình ảnh con thuyền trôi xuôi, song song với hai bờ tràng giang. Bức tranh đẹp nhưng buồn bởi *con thuyền xuôi mái* đem cảm giác con thuyền trôi vô định giữa không gian mênh mông, mặc cho con sóng đưa đi; Mặc khác, thế *song song* giữa thuyền và nước gợi sự hững hờ, không gắn kết.

- Câu 3: *"Thuyền về nước lại sầu trăm ngả"*

+ NT tiểu đối *"thuyền về" >< " nước lại":* khắc sâu sự phân ly, chia lìa giữa nước và thuyền. Chính vì thế mà gợi ra trong lòng người nỗi "*sầu trăm ngả"*.

- Câu 4: Câu thơ cuối mang một hình ảnh đời thường:

"Củi một cành khô lạc mấy dòng"

+ *Củi - một cành khô:* thi liệu mới, gợi sự ít ỏi, nhỏ bé, gầy guộc; đặc biệt khi đặt từ *củi* lên đầu câu, NT đảo ngữ đã tô đậm cảm giác thiếu vắng sức sống của một vùng không gian mênh mông.

+ *C*ành củi lẻ loi, khô héo, vùi dập giữa sóng nước, "*lạc mấy dòng*", không biết lạc về đâu.

→ Hình ảnh thơ gợi bao suy ngẫm đến sự nhỏ bé, vô nghĩa của những kiếp người giữa dòng đời.

Tóm lại: khổ 1 không chỉ cho thấy **bức tranh thiên nhiên mênh mang, hoang vắng, thiếu hơi ấm con người** mà còn bộc lộ **nỗi buồn mờ, buồn lặng nhưng buồn lâu, buồn vì nhận ra mình lạc lỏng, nhỏ nhoi, cô độc.**

2. <u>Khổ 2</u>: Cảnh cồn bến hoang vắng

Tiếp tục mạch thơ khổ đầu, nhưng sang đến khổ 2, không gian được mở rộng ra:

- Câu 1,2: *"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều"

+Hai từ láy *"lơ thơ" và "đìu hiu":* gợi quang cảnh vắng lặng, thưa thớt, quạnh quẽ.

+ Giữa khung cảnh ấy có lẽ con người càng trở nên đơn côi, rợn ngợp, đến độ thốt lên "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều". "Đâu" có thể hiểu: đâu đó - âm thanh không rõ rệt; "đâu có" - phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động; "đâu" cũng có thể là từ để hỏi → tâm trạng buồn bã, cô đơn, khao khát được lắng nghe tiếng vọng ấm áp của cuộc sống.

→ Dẫu hiểu theo nghĩa nào, câu thơ cũng gợi khung cảnh vắng lặng, buồn và sự bất lực của nhà thơ.

Câu 3,4: Không gian được mở rộng và đẩy cao thêm:

"*Nắng xuống trời lên sâu chót vót,*
Sông dài trời rộng bến cô liêu":

+ Nghệ thuật đối đãdựng lên không gian đa diện, nhiều chiều: chiều cao *(nắng xuống trời lên)*, chiều rộng (*sông dài trời rộng*), chiều sâu (*sâu chót vót*).

+ Cách dùng từ mới "*sâu chót vót*" gợi ấn tượng thăm thẳm, hun hút khôn cùng của bầu trời.

→Càng rộng, càng sâu, càng cao thì cảnh vật càng thêm vắng lặng.**Con người càng trở nên bé nhỏ, rợn ngợp, chới với trước vũ trụ rộng lớn, lạc lỏng giữa cái mênh mông của đất trời.**

3. **<u>Khổ 3:</u>Cảnh bãi bờ quạnh quẽ:**

- Các sự vật được bên nhau: *bèo dạt nối hàng, bờ xanh tiếp bãi vàng* nhưng chỉ tiếp nối nhau một cách *lặng lẽ*, nhàm chán, đơn điệu.

- Cảnh cô đơn, buồn, trống vắng được nhấn mạnh hơn bởi hai lần phủ định: "*không cầu*", "*không đò*", không có một phương tiện nào để con người, lòng người có thể đến với nhau.

→ Hình ảnh thơ gợi lên nỗi buồn trong tâm trạng, **nỗi buồn của con người mệt mỏi, tẻ nhạt, trống rỗng, vô vị.**

4. <u>Khổ 4</u>: Bức tranh thiên nhiên kì vĩ, tráng lệ và nỗi niềm của nhà thơ

- Hai câu đầu: Hình ảnh thiên nhiên kì vĩ đậm chất cổ điển:

"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa"

+ "Mây cao" chồng chất "lớp lớp", đang "đùn" thành "núi bạc". Những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc, cảnh vừa tráng lệ, vừa nên thơ.

+ Trước cảnh sông nước, mây trời bao la và hùng vĩ ấy, bỗng hiện lên một cánh chim bé bỏng, nó chỉ cần nghiêng cánh là cả *bóng chiều sa* xuống.

→NT tương phản *"mây cao đùn núi bạc"* >< "*chim nghiêng cánh nhỏ*" khiến cảnh thiên nhiên rộng hơn, thoáng hơn, mênh mông hơn nhưng cũng buồn hơn.**Câu thơ cũng đồng thời gợi ra hình ảnh thi nhân cảm thấy mình bé nhỏ, cô đơn.**

- Hai câu sau: Tấm lòng nhớ quê

"Lòng quê dợn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà".

+ "Dợn dợn' là từ láy rất sáng tạo để nói đến nỗi nhớ quê. Đây là nét tâm trạng chung của nhà Thơ Mới: nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương.

+ Huy Cận mượn lại tứ thơ của Thôi Hiệu nhưng cách nói của Huy Cận mới hơn so với Thôi Hiệu. Huy Cận không cần có khói sóng - tức là không cần ngoại cảnh tác động - mà lòng vẫn nhớ nhà. Điều đó chứng tỏ tình cảm này luôn thường trực trong lòng thi nhân.

II. **<u>TỔNG KẾT</u>**(SGK)

CHIỀU TỐI (Hồ Chí Minh)

I. <u>Kiến thức chung</u>

1. **<u>Tập Nhật kí trong tù</u>:** Tập nhật kí bằng thơ, gồm 134 bài thơ chữ Hán, làm trong thời gian Hồ Chí Minh bị cầm tù ở nhà lao Tưởng Giới Thạch.

2. <u>Tác phẩm: Chiều tối</u>

- Vị trí: Bài thơ 31 của tập Nhật kí trong tù, được sáng tác vào cuối mùa thu năm 1942, trên con đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.
- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt

II. <u>Các vấn đề trọng tâm</u>

1. <u>Bức tranh thiên nhiên</u>

"Quyện điểu qui lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không"

- Với **bút pháp chấm phá, hình ảnh mang tính chất ước lệ:***cánh chim mệt mỏi bay về tổ, chòm mây lẻ trôi giữa bầu trời*, hai câu thơ mở ra cả một **khung cảnh thiên nhiên rộng lớn**, **yên ả, tĩnh lặng, quạnh vắng, khiến thi nhân dâng trào cảm xúc.**
- Đây là **thi liệu quen thuộc trong thơ cổ điển phương Đông:**

"Chim bay về núi tối rồi" (Ca dao)
"Chim hôm thoi thót về rừng" (Truyện kiều)
"Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa" (Tràng giang – Huy cận)

+ Mang ý nghĩa không gian: gợi không gian rộng lớn.
+ Mang ý nghĩa thời gian: gợi khoảnh khắc cuối cùng của ngày.
+ Là nguồn cảm hứng để thi nhân giãi bày tâm sự.

- Điểm khác biệt trong thơ Bác là **thiên nhiên được cảm nhận sâu sắc từ trạng thái bên trong:**

+ Hình ảnh cánh chim:

_ Không được miêu tả ở trạng thái thoải mái mà lại đang **bay trong trạng thái mệt mỏi**→ tả thực, gần gũi.

_ Ở đây, dường như c**ó sự đồng điệu giữa tâm hồn nhà thơ và cảnh vật thiên nhiên**: cánh chim mệt mỏi đang bay tìm chốn ngủ cũng như người tù vẫn còn cất bước trên đường xa.

_ Thi nhân **chớp lấy linh hồn của cảnh vật**. Phải là một người tinh tế, nhạy cảm mới có được cảm nhận như vậy.

+ Hình ảnh chòm mây:

_Bản dịch chưa thể hiện được trạng thái bên trong của áng mây (cô, mạn mạn)

_ ***"Cô vân"***nghĩa là chòm mây cô đơn, lẻ loi → tả thực, lãng mạn.

Gợi không gian núi rừng thoáng đãng, mênh mông.
Hình ảnh thơ cũng góp phần **truyền tải tâm sự** của người tù: nỗi buồn cho thân phận cô độc nơi đất khách quê người và niềm nhớ quê hương da diết.

_ **Từ láy *"mạn mạn"* với hai thanh nặng:** gợi trạng thái chuyển động chậm rãi, nặng nề trôi của chòm mây giữa bầu trời rộng. Phải chăng chòm mây ấy cũng mệt mỏi như người tù không buồn trôi.

=> Chỉ bằng những nét bút giản dị, ta có thể cảm nhận được **tâm hồn phóng khoáng, cảm nhận tinh tế, tình yêu thiên nhiên, thái độ trân quí từng khoảnh khắc trong cuộc sống thực tế của thi nhân:** dù đang trên đường khổ sai nhưng Bác vẫn dõi theo cánh chim, áng mây chiều.

=> Người tù cảm nhận thiên nhiên như một "tao nhân mặc khách" đang thưởng ngoạn cảnh chiều hôm với **tâm thế ung dung, tự tại;** ngẩng cao đầu thoát khỏi tư thế của một con người chịu khổ sai.

2. <u>Bức tranh sinh hoạt con người</u>

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng."

- Điểm nhìn của tác giả có sự chuyển dịch từ cao xa → gần thấp, từ bức tranh thiên nhiên nghiêng về ước lệ → bức tranh cuộc sống con người gần gũi, chân thực.

- Hình ảnh người thôn nữ:

+ Ở thơ xưa: con người thường xuất hiện mờ nhạt, thấp thoáng, nhỏ bé, thường mang tâm trạng u buồn, chỉ làm tăng thêm sự hoang sơ, vắng vẻ của cảnh vật.

+ Nhưng đến thơ Bác: **trung tâm của bài thơ** là hình ảnh cô gái xay ngô:

Toát lên vẻ **trẻ trung, khỏe khoắn, tràn đầy sức sống** giữa không gian núi rừng bình dị, heo hút → làm ấm lòng người đi đường.
Gợi liên tưởng về cuộc sống lao động vất vả nhưng tự do.

→ Qua đó, ta thấy được t**hái độ trìu mến của Bác, luôn hướng về con người và cuộc sống** của họ; luôn **quan tâm, yêu thương con người nghèo khổ** - không phân biệt quốc gia.

- Điệp ngữ liên hoàn "*ma bao túc, bao túc ma*":

+ tạo sự nối âm liên hoàn nhịp nhàng.

+ diễn tả vòng quay không dứt của động tác xay ngô.

+ diễn tả vòng quay của thời gian: từ chiều đến tối.

- Hình ảnh "lô dĩ hồng": Từ "*hồng*" (nhãn tự, thi nhãn) làm bừng sáng cả bài thơ.

+ Lò than rực đỏ **báo hiệu sự chuyển động của thời gian, không gian**: chuyển từ chiều sang tối hẳn chuyển từ bóng tối của màn đêm sang ánh sáng của bếp lửa.

+ Sắc hồng **gợi lên sự ấm áp xua đi cái lạnh lẽo của xóm núi, cái mỏi mệt của người tù** chỉ còn lại niềm vui với cuộc sống đời thường.

+ Màu hồng của lòng **yêu đời, lạc quan, của tình người ấm áp**, thôi thúc người chiến sĩ tiếp tục cuộc hành trình vì nhân dân cần lao gian khổ.

+ **Ước mơ thầm kín về mái ấm gia đình** của người tù lưu lạc, xa đất nước quê hương…

*** Mạch thơ vận động:** *Từ bóng tối đến ánh sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo, cô đơn sang ấm áp tình người, hướng về sự sống, ánh sáng, tương lai.*

=>Qua 2 câu cuối, ta thấy được t**ình yêu con người, cuộc sống**; **sự lạc quan, tinh thần thép, bản lĩnh đã giúp người tù cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui đời thường của con người nơi đất khách.**

III. <u>Tổng kết</u>

<u>1. Nội dung.</u>

- Bài thơ Chiều tối làm hiện lên bức chân dung tinh thần con người HCM: Một bản lĩnh kiên cường, lạc quan, ung dung tự tại trong mọi hoàn cảnh(chất thép). Một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu cuộc sống, thiên nhiên, con người tha thiết(chất tình).

<u>2. Nghệ thuật:</u>

- Bài thơ có sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và hiện đại.
- Từ ngữ cô đọng, hàm xúc, phát huy giá trị phép điệp liên hoàn.